TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2025
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Quyên và bà Ngô Thị Thơm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa:

1. ***Nguyên đơn***: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Trịnh Thị L và bà Trịnh Thanh H; địa chỉ: Số H, N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. ***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống cùng nhau tại thôn H, xã C, huyện C Cuối năm 2022, anh và chị T1 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị T1 có quan hệ tình cảm với người khác. Đầu năm 2023, chị T1 tự ý bỏ nhà đi, không liên lạc với anh. Từ đó vợ chồng anh sống ly thân. Hiện nay anh đang lao động ở Nhật Bản, còn chị T1 đang ở Đài Loan. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Hoàng Mai P, sinh ngày 02/4/2012, Hoàng Vĩ Đ, sinh ngày 12/5/2014 và Hoàng Như Ý, sinh ngày 26/5/2016, hiện đang ở với anh và ông bà nội. Khi ly hôn, anh xin nuôi cả 03 nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn T2 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Hoàng Văn T. Sau khi kết hôn, chị T1 và anh T chung sống cùng nhau tại gia đình ông. Năm 2019, anh T sang Nhật Bản làm việc, còn chị T1 ở nhà làm công ty. Trong thời gian vợ chồng sống xa nhau, chị T1 không chung thủy với anh T. Khi phát hiện ra sự việc, gia đình ông đã khuyên bảo chị T1 nhưng không có kết quả. Để giữ gìn hạnh phúc cho các con, gia đình ông đã lo cho chị T1 sang Nhật Bản cùng anh T. Đầu năm 2023, chị T1 và anh T cùng về Việt Nam chơi khoảng 21 ngày. Sau đó, chị T1 tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, không quay lại Nhật Bản nữa. Từ đó, hai anh chị sống ly thân. Chị T1 và anh T có 03 con chung, hiện đang ở cùng vợ chồng ông. Anh T có quan điểm xin được nuôi cả 03 con chung và nhờ ông chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian anh T ở nước ngoài, ông đồng ý.

Do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị Nguyễn Thị T1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị T1. Bà Nguyễn Thị L1 (là mẹ đẻ chị T1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị T1 vẫn thường xuyên

liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T1 biết. Chị T1 xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác và nhiều lần đánh đập chị. Nay anh T xin ly hôn, mặc dù không còn tình cảm với anh T nhưng chị T1 không đồng ý ly hôn vì nghĩ thương các con. Về con chung: Chị T1 xác định vợ chồng có 03 con chung như anh T trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị T1 xin được nuôi cháu Hoàng Như Ý; giao cháu Hoàng Mai P và cháu Hoàng Vĩ Đ cho anh T nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian ở nước ngoài, chị T1 nhờ bà chăm sóc cháu Ý, bà đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T, ông T2 đều vắng mặt, có đơn và quan điểm xin vắng mặt. Chị T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị T1. Về con chung: Giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Hoàng Mai P, sinh ngày 02/4/2012, Hoàng Vĩ Đ, sinh ngày 12/5/2014 và Hoàng Như Ý, sinh ngày 26/5/2016 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm giao cả 03 cháu cho ông T2 nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Hoàng Văn T hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Chị Nguyễn Thị T1 đang sinh sống tại Đài Loan. Trước khi xuất cảnh, anh T, chị T1 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của chị T1 tại Đài Loan. Tòa án đã yêu cầu anh T và gia đình chị T1 cung cấp địa chỉ, nhưng anh T và gia đình chị T1 không cung cấp được. Bà Nguyễn Thị L1 là mẹ đẻ chị T1 xác định chị T1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà, anh T có đơn xin ly hôn, chị T1 đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, anh T, ông T2 vắng mặt nhưng có đơn và quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/11/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị T1 đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Chị T1 và anh T đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng có quan điểm không đồng ý ly hôn vì thương các con. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho anh T được ly hôn chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T và chị T1 có 03 con chung là Hoàng Mai P, sinh ngày 02/4/2012, Hoàng Vĩ Đ, sinh ngày 12/5/2014 và Hoàng Như

Ý, sinh ngày 26/5/2016, hiện đang ở cùng anh T và ông nội là Hoàng Văn T2. Sau khi ly hôn, anh T có quan điểm xin được nuôi cả 03 con chung và nhờ ông T2 chăm sóc các cháu trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, ông T2 đồng ý; chị T1 xin được nuôi cháu Ý và đề nghị giao cháu P và cháu Đ cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh T, chị T1 đều đang ở nước ngoài, cả 03 cháu đang học tập, sinh sống ổn định cùng ông nội là Hoàng Văn T2; các cháu đều có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng bố và ông nội. Do vậy để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các con, cần giao cả 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tạm giao cả 03 cháu cho ông Hoàng Văn T2 (là ông nội) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng tiền nuôi các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Hoàng Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là Hoàng Mai P, sinh ngày 02/4/2012, Hoàng Vĩ Đ, sinh ngày 12/5/2014, Hoàng Như Ý, sinh ngày 26/5/2016 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu

cầu chị T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu P, Đ, Ý cho ông Hoàng Văn T2 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do chị Trịnh Thị L nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005521 ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất